TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Sĩ.
2. Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Nhàn, là Thư ký của Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà*:** Bà Hồ Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số:10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trịnh Thị H, sinh năm 1987, có mặt.
Địa chỉ: ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn N, sinh năm 1984, có mặt.
Địa chỉ: ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh N đã tự tìm hiểu quen nhau vào năm 2004, sau đó được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01, ngày 02/5/2013. Sau khi kết hôn anh, chị sống chung với nhau thời gian đầu rất hạnh phúc, đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do anh N đi uống rượu về nhà

thường xuyên đánh chị H nhiều lần vô cớ không lý do, có lần khóa cửa phòng lại không cho chị H đi ra ngoài và còn dọa mua xăng đốt, chị H khuyên nhiều lần nhưng anh N không nghe mà cò tiếp tục đánh chị H nên chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 12/2018 và anh, chị cũng đã sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian anh, chị sống ly thân anh N không sửa đổi tính tình mà còn đến nhà cha mẹ ruột của chị H chửi và có những lời lẽ thô tục với cha mẹ chị. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về nuôi con: Chị H và anh N chung sống có 04 người con tên Nguyễn Thành D sinh ngày 20/02/2005, Nguyễn Thị T sinh ngày 23/5/2007, Nguyễn Thành T sinh ngày 13/6/2012 và Nguyễn Thành H sinh ngày 06/7/2016. Khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi 02 đứa con tên T và H (T và H đang sống với chị H). Đối với 02 đứa con tên D và T (D, T đang sống với anh N), chị H đồng ý giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày.

Về hôn nhân: Anh và chị H đã tự tìm hiểu quen nhau vào năm 2004, sau đó được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 02/5/2013. Sau khi kết hôn anh, chị sống chung với nhau thời gian đầu rất hạnh phúc, đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do anh N đi uống rượu về nhà có đánh chị H là do ghen tuông nên chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 12/2018 và anh, chị cũng đã sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian anh, chị sống ly thân anh N có hàn gắn lại tình cảm nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh N không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ nên cần phải chăm lo cho các con.

Về nuôi con: Có 04 người con tên Nguyễn Thành D sinh ngày 20/02/2005, Nguyễn Thị T sinh ngày 23/5/2007, Nguyễn Thành T sinh ngày 13/6/2012 và Nguyễn Thành H sinh ngày 06/7/2016. Trường hợp ly hôn thì anh N yêu cầu được nuôi 02 đứa con tên D và T (D, T đang sống với anh N), anh N đồng ý để chị H nuôi 02 người con tên T và H (T và H đang sống với chị H). Anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh N.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị H. Giao cháu Nguyễn Thị T sinh ngày 23/5/2007 và Nguyễn Thành H sinh ngày 06/7/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thành D sinh ngày 20/02/2005 và Nguyễn Thành T sinh ngày 13/6/2012 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Chị H và anh N đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh N. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn địa chỉ ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh N là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đến năm 2018 trong quá trình chung sống anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và anh, chị đã sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay, từ khi ly thân đến nay anh, chị không gặp nhau để hàn gắn lại tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải, động viên cho anh, chị hàn gắn lại với nhau nhưng anh N không có mặt theo thông báo của Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến gửi Tòa án xem xét, chứng tỏ anh N không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H. Tại phiên tòa anh N không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị H vì anh cho rằng các con còn nhỏ nên cần phải chăm lo cho các con.

Xét thấy, anh N không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm với chị H, chị H cũng cương quyết ly hôn, do đó đời sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh N là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Chị H và anh N trình bày trong thời gian chung sống sinh được 04 người con. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị T sinh ngày 23/5/2007 và Nguyễn Thành H sinh ngày 06/7/2016 (To và H đang sống với chị H), nguyện vọng của cháu T cũng muốn được sống chung với chị H. Anh N cũng thống nhất giao T, H cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh N yêu cầu được nuôi

con chung tên Nguyễn Thành D sinh ngày 20/02/2005 và Nguyễn Thành T sinh ngày 13/6/2012 (D và T đang sống với anh N), nguyện vọng của cháu D, T cũng muốn được sống chung với anh N, chị H cũng thống nhất giao D, T cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*, nên giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng T và H là phù hợp, giao cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng D, T là phù hợp. Chị H, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Chị H và anh N đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 4 Điều 147, Điều 186, 188, 189, 190 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị H đối với anh Nguyễn Văn N. Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con:

2.1. Giao Nguyễn Thị T sinh ngày 23/5/2007 và Nguyễn Thành H sinh ngày 06/7/2016 (T và H đang sống với chị H) cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Giao Nguyễn Thành D sinh ngày 20/02/2005 và Nguyễn Thành T sinh ngày 13/6/2012 (D và T đang sống với anh N) cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trịnh Thị H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Văn N không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Trịnh Thị H không yêu cầu.

3. Về án phí sơ thẩm:

Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BG/2017/0005563 ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, chị Trịnh Thị H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Nơi nhận:
- TAND T. Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- UBND xã An Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hùng Cường